

Số: 223 /BC-ĐHHL

Ninh Bình, ngày 22 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan
về hoạt động hỗ trợ, phục vụ, giám sát người học và phục vụ cộng đồng
của Trường Đại học Hoa Lư năm học 2025 - 2026**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT KHẢO SÁT

1. Mục đích khảo sát

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hỗ trợ, phục vụ, giám sát sinh viên và phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

2. Nội dung khảo sát

Nội dung của khảo sát (được thể hiện trên các phiếu khảo sát) liên quan đến các mặt hoạt động của Nhà trường, cụ thể:

- Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên;
- Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

3. Phương pháp khảo sát

Việc khảo sát được tiến hành thông qua phiếu khảo sát và được khảo sát bằng các công cụ Google Forms và qua phiếu khảo sát trực tiếp, sử dụng các thang đo mức độ:

+ Thang đo 5 mức độ:

Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Nhà trường thông báo về mục đích, thời hạn, đường link, phiếu khảo sát đến đối tượng được khảo sát thông qua email và phát phiếu trực tiếp. Thời hạn khảo sát từ ngày 18/8/2026 đến ngày 28/08/2026. Số liệu được xử lý và lưu trữ tại Phòng Chính trị & Công tác học sinh, sinh viên.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Lấy ý kiến của sinh viên hệ chính quy về hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường

Kết quả khảo sát 894 sinh viên hệ chính quy, trong đó có 337 sinh viên ở Ký túc xá về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học. Tỷ lệ nhất định sinh viên đánh giá không hài lòng với các hoạt động trên. Tuy nhiên, tỷ lệ hài lòng (mức 4 và 5) đối với các hoạt động của Nhà trường đều trên 80%; cụ thể: đối với các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập cấp trường là **90.38%** (cấp khoa là **91.92%**); hoạt động công tác sinh viên là **91%**; các dịch vụ phục vụ tiện ích của Nhà trường là **86.28%** các hoạt động của Ký túc xá là **85.05%**; các hoạt động của Thư viện là **89.05%**, các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc y tế cùng đạt **88.50%**, các hoạt động ngoài giờ, phục vụ cộng đồng là **89.97%**. Qua đánh giá trên cho thấy hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường đã được triển khai thực hiện tương đối tốt, được sinh viên hệ chính quy đánh giá cao.

Bảng 01. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập cấp trường

STT	NỘI DUNG	Mức độ										Tỉ lệ hài lòng %
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Các quy chế, quy định về đào tạo - NCKH, thi - kiểm tra đánh giá (khảo thí) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường được phổ biến, hướng dẫn đầy đủ, kịp thời (qua Tuần sinh hoạt công dân, qua cuốn Thông tin đào tạo, qua Cổng thông tin điện tử...)	6	0.67	5	0.56	83	9.28	327	36.58	473	52.91	89.49
2	Quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động học tập – NCKH, khảo thí được công khai rõ ràng, khoa học đến người học.	7	0.78	2	0.22	71	7.94	342	38.26	472	52.80	91.05
3	Sinh viên khóa mới được tư vấn và hỗ trợ trong hoạt động tuyển sinh và nhập học.	6	0.67	4	0.45	76	8.50	329	36.80	479	53.58	90.38
4	Sinh viên được thông báo công khai, đầy đủ về thời khóa biểu, lịch thi, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học tập.	6	0.67	3	0.34	65	7.27	325	36.35	495	55.37	91.72
5	Phần mềm quản lý đào tạo hỗ trợ cho việc theo dõi quá trình, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên.	7	0.78	5	0.56	81	9.06	317	35.46	484	54.14	89.60
6	Hệ thống thông tin (trang web, trang mạng xã hội) đa dạng về nội dung, có hiệu quả tuyên truyền giáo dục với sinh viên.	7	0.78	2	0.22	80	8.95	331	37.02	474	53.02	90.04
7	Hoạt động tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết các thông tin phản hồi của sinh viên của viên chức – người lao động Phòng Đào tạo – Khoa học, phòng Đảm bảo chất lượng, phòng Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên.	7	0.78	2	0.22	78	8.72	334	37.36	473	52.91	90.27

8	Hoạt động tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên giải quyết các công việc cán bộ, giảng viên các Khoa, Bộ môn (SV nhận xét, đánh giá về các Khoa, Bộ môn khác ngoài Khoa chuyên ngành)	6	0.67	2	0.22	77	8.61	326	36.47	483	54.03	90.49
Tổng												90.38

Bảng 02. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập cấp khoa (Sinh viên nhận xét đánh giá về khoa chuyên ngành)

[illegible]

Bảng 03. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động công tác sinh viên

[illegible]

Bảng 04. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với các dịch vụ phục vụ tiện ích

STT	NỘI DUNG	Mức độ										Tỉ lệ hài lòng %
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Các quy định về sử dụng trang thiết bị, phòng học, phòng máy tính, phòng thực hành nhà trường được thông báo công khai	6	0.67	9	1.01	94	10.51	360	40.27	425	47.54	87.81
2	Phòng học, thiết bị phục vụ dạy và học trong phòng học	8	0.89	13	1.45	118	13.20	365	40.83	390	43.62	84.45
3	Phòng học đảm bảo về ánh sáng, âm thanh và thoáng mát	10	1.12	16	1.79	131	14.65	351	39.26	386	43.18	82.44
4	Phòng máy tính, phòng lap đáp ứng nhu cầu học tập của SV	5	0.56	8	0.89	106	11.86	352	39.37	432	48.32	87.70
5	Trang thiết bị phòng thực hành đầy đủ thiết bị đáp ứng phục vụ dạy và học	7	0.78	9	1.01	104	11.63	362	40.49	412	46.09	86.58
6	Công tác vệ sinh phòng học, hệ thống nhà vệ sinh.	13	1.45	15	1.68	124	13.87	346	38.70	396	44.30	83.00
7	Công tác vệ sinh cảnh quan trường học.	9	1.01	4	0.45	111	12.42	355	39.71	415	46.42	86.13
8	Hoạt động tổ chức lao động của sinh viên.	7	0.78	5	0.56	108	12.08	353	39.49	420	46.98	86.47
9	Nơi gửi xe của sinh viên an toàn, sạch sẽ	13	1.45	25	2.80	135	15.10	334	37.36	387	43.29	80.65
10	Nhà trường có hệ thống Hội trường, sân bãi đủ điều kiện để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.	8	0.89	5	0.56	106	11.86	357	39.93	418	46.76	86.69
11	Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong Nhà trường được thực hiện tốt đảm bảo môi trường học tập an toàn, lành mạnh cho sinh viên.	6	0.67	3	0.34	90	10.07	363	40.60	432	48.32	88.93

12	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động của sinh viên thường xuyên được kiểm tra, rà soát, sửa chữa.	7	0.78	7	0.78	104	11.63	355	39.71	421	47.09	86.80
13	Các kiến nghị, đề xuất của sinh viên liên quan đến cơ sở vật chất, trang thiết bị được các đơn vị giải quyết kịp thời, đúng hạn.	8	0.89	6	0.67	95	10.63	358	40.04	427	47.76	87.81
14	Cán bộ, nhân viên Phòng Hành chính - Quản trị phụ trách cơ sở vật chất nhiệt tình, có trách nhiệm.	5	0.56	3	0.34	88	9.84	357	39.93	441	49.33	89.26
15	Nhân viên bãi xe giao tiếp đúng mực, nhiệt tình, trách nhiệm	18	2.01	14	1.57	115	12.86	346	38.70	401	44.85	83.56
16	Cán bộ, nhân viên Trung tâm Thư viện – Thiết bị phụ trách phục vụ trang thiết bị máy tính, máy chiếu, phòng thực hành nhiệt tình, có trách nhiệm	6	0.67	5	0.56	85	9.51	365	40.83	433	48.43	89.26
17	Nhân viên bộ phận Môi trường nhiệt tình, có trách nhiệm	4	0.45	5	0.56	87	9.73	366	40.94	432	48.32	89.26
Tổng												86.28

Bảng 05. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động ký túc xá (337 sinh viên ở Ký túc xá phản hồi)

STT	NỘI DUNG	Mức độ										Tỉ lệ hài lòng
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Các quy định về Nội quy Ký túc xá được thông báo công khai	1	0.30	1	0.30	39	11.57	129	38.28	167	49.55	87.83
2	Phòng ở được sắp xếp hợp lý và có đủ chỗ ở cho sinh viên khi có nhu cầu	1	1.00	1	0.30	45	13.35	130	38.58	160	47.48	86.05

3	Phòng ở được đảm bảo về ánh sáng, thoáng mát và các trang thiết bị cần thiết	1	0.30	4	1.19	55	16.32	127	37.69	150	44.51	82.20
4	Công tác vệ sinh chung của KTX sạch sẽ	1	0.30	1	0.30	45	13.35	127	37.69	163	48.37	86.05
5	Cơ sở vật chất phòng ở thường xuyên được kiểm tra, rà soát	2	0.59	4	1.19	49	14.54	124	36.80	158	46.88	83.68
6	Các kiến nghị, đề xuất của sinh viên liên quan đến cơ sở vật chất, hoạt động của KTX được giải quyết kịp thời	1	0.30	3	0.89	51	15.13	124	36.80	158	46.88	83.68
7	Phong trào thi đua xây dựng Phòng ở văn hóa cho sinh viên nội trú được triển khai thiết thực, hiệu quả	1	0.30	2	0.59	47	13.95	128	37.98	159	47.18	85.16
8	Cán bộ, chuyên viên Ký túc xá hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên nhiệt tình, có trách nhiệm.	2	0.59	2	0.59	44	13.06	125	37.09	164	48.66	85.76
Tổng												85.05

Bảng 06. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động của Thư viện

STT	NỘI DUNG	Mức độ										Tỉ lệ hài lòng
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	%
1	Nội quy và hướng dẫn sử dụng thư viện được thông báo công khai.	6	0.67	3	0.34	78	8.72	341	38.14	466	52.13	90.27
2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Thư viện đáp ứng đầy đủ nhu cầu của bạn đọc.	6	0.67	8	0.89	93	10.40	336	37.58	451	50.45	88.03
3	Nguồn tài liệu trong Thư viện thường xuyên được cập nhật.	6	0.67	4	0.45	86	9.62	356	39.82	442	49.44	89.26
4	Thư viện có đầy đủ tài liệu chuyên ngành phục vụ học tập.	7	0.78	7	0.78	95	10.63	339	37.92	446	49.89	87.81

5	Thư viện có các loại tài liệu tham khảo giúp bạn đọc nghiên cứu, tự học, giải trí.	7	0.78	3	0.34	99	11.07	341	38.14	454	50.78	88.93
6	Loại hình tài liệu tại Thư viện phong phú, đa dạng (sách, báo, tạp chí, báo cáo kết quả nghiên cứu, luận văn, luận án, khóa luận, tài liệu điện tử,...) đáp ứng nhu cầu của bạn đọc.	5	0.56	7	0.78	85	9.51	353	39.49	444	49.66	89.15
7	Thủ tục mượn - trả tài liệu thuận tiện, nhanh chóng.	5	0.56	3	0.34	84	9.40	333	37.25	469	52.46	89.71
8	Số lượng sách giáo trình, tài liệu tham khảo được mượn mỗi lần đáp ứng đầy đủ nhu cầu của bạn đọc.	7	0.78	15	1.68	94	10.51	332	37.14	446	49.89	87.02
9	Trang tra cứu trực tuyến của Thư viện tiện lợi, đáp ứng tốt nhu cầu tìm kiếm nguồn học liệu.	6	0.67	8	0.89	80	8.95	345	38.59	455	50.89	89.49
10	Thời gian đóng và mở cửa Thư viện phù hợp.	5	0.56	5	0.56	89	9.96	332	37.14	463	51.79	88.93
11	Tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên thư viện tận tình, chu đáo.	5	0.56	2	0.22	74	8.28	351	39.26	462	51.68	90.94
Tổng												89.05

Bảng 07. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc y tế

STT	NỘI DUNG	Mức độ										Tỉ lệ hài lòng
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	%
1	Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho SV (sơ cứu, thực hiện các chế độ bảo hiểm y tế...)	7	0.78	5	0.56	96	10.74	367	41.05	419	46.87	87.92
2	Công tác khám sức khỏe sau nhập học cho sinh viên được thực hiện đúng quy định.	6	0.67	5	0.56	95	10.63	366	40.94	422	47.20	88.14

3	Thẻ bảo hiểm y tế được phát cho sinh viên đúng quy định	8	0.89	4	0.45	87	9.73	368	41.16	427	47.76	88.93
4	.Công tác thu - nộp tiền bảo hiểm y tế	6	0.67	4	0.45	88	9.84	361	40.38	435	48.66	89.04
5	Nhân viên bộ phận Y tế nhiệt tình, hòa nhã với SV, hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên kịp thời, có trách nhiệm	6	0.67	4	0.45	93	10.40	352	39.37	439	49.11	88.48
Tổng												88.50

Bảng 08. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động ngoài giờ, phục vụ cộng đồng

STT	NỘI DUNG	Mức độ										Tỉ lệ hài lòng %
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Các kế hoạch, chương trình hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường được thông báo, triển khai đến sinh viên đầy đủ, kịp thời	6	0.67	4	0.45	81	9.06	363	40.60	440	49.22	89.82
2	Các hoạt động phục vụ cộng đồng phong phú đa dạng, đáp ứng được nhu cầu của sinh viên	6	0.67	2	0.22	86	9.62	362	40.49	438	48.99	89.49
3	Các CLB sở thích, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phong phú, đáp ứng được nhu cầu của sinh viên	5	0.56	7	0.78	94	10.51	348	38.93	440	49.22	88.14
4	Các hoạt động tình nguyện, hiến máu, tiếp sức mùa thi, nhân đạo từ thiện được triển khai thường xuyên, cụ thể đến các lớp.	6	0.67	1	0.11	84	9.40	358	40.04	448	50.11	90.16
5	Nội dung, hình thức tổ chức hoạt động tình nguyện, hiến máu, tiếp sức mùa thi, nhân đạo từ thiện	5	0.56	3	0.34	85	9.51	347	38.81	454	50.78	89.60

6	Công tác phối hợp với các tổ chức đơn vị tham gia các hoạt động động tình nguyện, hiến máu, tiếp sức mùa thi, nhân đạo từ thiện.	7	0.78	2	0.22	77	8.61	355	39.71	453	50.67	90.38
7	Công tác tuyên truyền các hoạt động tình nguyện, hiến máu, tiếp sức mùa thi, nhân đạo từ thiện.	6	0.67	5	0.56	77	8.61	352	39.37	454	50.78	90.16
8	Tác động, ảnh hưởng tích cực của các hoạt động tình nguyện, hiến máu, tiếp sức mùa thi, nhân đạo từ thiện đối với bản thân.	6	0.67	3	0.34	80	8.95	346	38.70	459	51.34	90.04
9	Công tác tạo điều kiện cho sinh viên tham gia công tác đảng, đoàn thể.	6	0.67	2	0.22	86	9.62	351	39.26	449	50.22	89.49
10	Nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục pháp luật do các tổ chức đoàn thể triển khai.	6	0.67	1	0.11	80	8.95	355	39.71	452	50.56	90.27
11	Các hoạt động tổ chức, chương trình chào tân sinh viên được tổ chức thiết thực, đa dạng.	5	0.56	7	0.78	75	8.39	354	39.60	453	50.67	90.27
12	Hoạt động bảo vệ môi trường (lao động, vệ sinh môi trường trong và ngoài Nhà trường).	5	0.56	6	0.67	79	8.84	351	39.26	453	50.67	89.93
13	Các hoạt động vận động quyên góp ủng hộ, thăm hỏi các đoàn viên sinh viên trong trường gặp khó khăn, các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh,...	8	0.89	2	0.22	83	9.28	354	39.60	449	50.22	89.82
14	Công tác tổ chức các hoạt động cứu trợ thiên tai và công ích trong và ngoài Nhà trường.	5	0.56	4	0.45	74	8.28	352	39.37	459	51.34	90.72
15	Công tác điều động sinh viên tham gia phục vụ các hoạt động, sự kiện của Tỉnh, các cơ quan đơn vị khác.	6	0.67	4	0.45	76	8.50	353	39.49	455	50.89	90.38

16	Công tác tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân sinh viên có thành tích cao trong hoạt động phục vụ cộng đồng, hoạt động ngoài giờ của Nhà trường được thực hiện kịp thời	5	0.56	3	0.34	77	8.61	344	38.48	465	52.01	90.49
17	Cán bộ Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên, các tổ chức đoàn thể khác của Nhà trường nhiệt tình, trách nhiệm.	7	0.78	2	0.22	78	8.72	345	38.59	462	51.68	90.27
Tổng												89.97

2. Lấy ý kiến của viên chức – người lao động về hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường

Kết quả khảo sát 132 viên chức – người lao động Nhà trường, mức độ hài lòng của viên chức – người lao động đối với hoạt động phục vụ cộng đồng năm học 2025 - 2026 là 93.84%

Bảng 09. Bảng đánh giá mức độ hài lòng của viên chức – người lao động có liên quan đến hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường

STT	NỘI DUNG	Mức độ										Tỉ lệ hài lòng %
		1		2		3		4		5		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Hoạt động phục vụ cộng đồng của nhà trường luôn gắn với triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển của Nhà trường.	2	1.52	0	0.00	4	3.03	61	46.21	65	49.24	95.45
2	Các kế hoạch, chương trình hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường được thông báo, triển khai kịp thời, đầy đủ, đúng yêu cầu.	1	0.76	2	1.52	4	3.03	63	47.73	62	46.97	94.70
3	Lãnh đạo trường chỉ đạo, điều hành, giám sát việc tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng sát sao, kịp thời.	2	1.52	0	0.00	2	1.52	49	37.12	79	59.85	96.97
4	Ban tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường đã tích cực phối hợp đối với quý cơ quan, đơn vị. Hợp tác với cộng đồng địa phương, cộng đồng doanh	1	0.76	1	0.76	6	4.55	67	50.76	57	43.18	93.94

	nghiệp để phát triển ý tưởng khoa học, hợp tác nghiên cứu và chuyên giao sản phẩm.											
5	Các hoạt động phục vụ cộng đồng được xây dựng, triển khai, đánh giá hàng năm.	1	0.76	1	0.76	6	4.55	65	49.24	59	44.70	93.94
6	Các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Hoa Lư đã có tác động, ảnh hưởng tích cực đối với cơ quan/đơn vị hoặc cá nhân thụ hưởng.	1	0.76	1	0.76	8	6.06	69	52.27	53	40.15	92.42
7	Cơ sở vật chất, trang thiết bị, công tác vệ sinh môi trường của Trường Đại học Hoa Lư đáp ứng yêu cầu của công việc	0	0.00	2	1.52	12	9.09	72	54.55	46	34.85	89.39
8	Đội ngũ viên chức – người lao động Nhà trường tham gia tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn hòa nhã, tích cực, trách nhiệm.	1	0.76	1	0.76	6	4.55	62	46.97	62	46.97	93.94
Tổng												93.84

III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT QUA CÂU HỎI ĐỊNH TÍNH

Trên cơ sở phản hồi của các cá nhân, đơn vị được khảo sát theo câu hỏi định tính, bộ phận tổng hợp ghi nhận những nhận xét, kiến nghị đối với các lĩnh vực được khảo sát, cụ thể như sau:

1. Kiến nghị, đề xuất của sinh viên hệ chính quy về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường

- Đề nghị Nhà trường bảo trì sửa chữa kịp thời các trang thiết bị phục vụ cho học tập ở một số phòng học, nhà vệ sinh như: quạt trần, quạt treo tường, máy chiếu...

- Đề nghị Nhà trường phân bổ chỗ để xe hợp lý cho sinh viên, đề nghị có khu để xe riêng cho sinh viên ở ký túc xá.

- Phòng ở của các sinh viên ở Ký túc xá đề nghị Nhà trường cho sửa chữa kịp thời cơ sở vật chất bị hỏng

- Sinh viên mong muốn có nhiều sách giáo trình hơn và thêm nhiều loại sách mới để sinh viên mượn.

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm và đào tạo kỹ năng cho sinh viên

2. Đề xuất kiến nghị của viên chức – người lao động về các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường

- Công tác vệ sinh cảnh quan môi trường và vệ sinh các lớp học cần được tăng cường hơn nữa.

- Cần tiếp tục bám sát vào các chủ đề của Tỉnh mới thành lập trong từng tháng để đưa ra hoạt động phục vụ cộng đồng như thế thì hoạt động này có thể diễn ra quanh năm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đa số cá nhân viên chức – người lao động, sinh viên hệ chính quy được khảo sát đều đánh giá hài lòng với các hoạt động phục vụ, hỗ trợ, tư vấn và phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Kết quả đánh giá cụ thể cho thấy tỷ lệ hài lòng ở các tiêu chí đánh giá là tương đối cao, không có nội dung nào có tỷ lệ hài lòng dưới 80%. Trong đó nổi bật

nhất là tỷ lệ hài lòng của sinh viên hệ chính quy về các hoạt động tư công tác sinh viên 91% và hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập cấp khoa 91.92%.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả trên thì các hoạt động ý túc xá còn hạn chế nhất định như các kiến nghị, đề xuất của sinh viên liên quan đến cơ sở vật chất, hoạt động của KTX được giải quyết kịp thời đạt 85.05%;

Bảng 10. Tổng hợp đánh giá chung các hoạt động tham gia khảo sát

TT	Nội dung	Tỷ lệ hài lòng (%)
1	Lấy ý kiến của sinh viên	
1.1	Hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập cấp trường	90.38
1.2	Hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập các khoa	91.92
1.3	Hoạt động công tác sinh viên	91.00
1.4	Các dịch vụ phục vụ tiện ích	86.28
1.5	Hoạt động ký túc xá	85.05
1.6	Hoạt động của Thư viện	89.05
1.7	Hoạt động hỗ trợ, chăm sóc y tế	88.50
1.8	Các hoạt động ngoài giờ, phục vụ cộng đồng	89.97
2	Lấy ý kiến của viên chức – người lao động về hoạt động phục vụ cộng đồng	93.84

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị, tổ chức có liên quan đến hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học và PVCĐ của Nhà trường căn cứ vào kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học và PVCĐ của Nhà trường trong thời gian tới.

Trên đây là kết quả khảo sát Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ, phục vụ, giám sát người học và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Hoa Lư năm học 2025 - 2026. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị, đoàn thể thuộc và trực thuộc;
- ĐTN, HSV;
- Lưu: VT, CT&CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Quang Huân